TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHƠN TRẠCH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 325/2024/HS-ST
Ngày: 31/12/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoài Đức Huệ

Bà Hoàng Thị Cát Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Thanh Thảo - Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hùng Chinh - Kiểm sát viên.

Ngày 31/12/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 340/2024/TLST - HS ngày 29 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 345/2024/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch; Thông báo thay đổi thời gian xét xử số: 1011/TB - TA ngày 17/12/2024 đối với các bị cáo:

1. **Lê Đức T** (Tên gọi khác: không); Sinh năm: 1982 tại tỉnh Thanh Hóa.

Nơi cư trú: khu A, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: lớp 12/12; Nghề nghiệp: Kinh doanh.

Con ông Lê Đức T1 và bà Phạm Thị V

Bị cáo có vợ tên Lê Thị T2 và có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2020.

Tiền án: Ngày 23/8/2023, Lê Đức T bị Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xử phạt 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Tiền sự: không có.

Nhân thân: Ngày 09/7/2015, Lê Đức T bị Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh tuyên phạt 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản đến ngày 02/02/2016 thì chấp hành xong.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/8/2024 đến ngày 01/9/2024 chuyển tạm giam, ngày 28/11/2024 được thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh.

2. **Đinh Văn H** (Tên gọi khác: không); Sinh năm: 1988 tại tỉnh Đồng Nai.

- Nơi cư trú: ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Trình độ học vấn: lớp 12/12; Nghề nghiệp: Lái xe.

Con ông Đinh Văn V1 và bà Đỗ Thị L

Bị cáo có vợ tên Cao Thị Mỹ T3 và có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2016, nhỏ nhất sinh năm 2019.

- Tiền án, tiền sự: không có.

- Bị can bị tạm giữ từ ngày 24/8/2024 đến ngày 01/9/2024 được hủy bỏ tạm giữ. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

3. **Nguyễn Bá K** (Tên gọi khác: không); Sinh năm: 1985 tại tỉnh Đồng Nai.

- Nơi cư trú: ấp E, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

- Trình độ học vấn: lớp 06/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Con ông Nguyễn Văn T4 và bà Nguyễn Thị V2

Bị cáo có vợ tên Lê Thị H1 và có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2016.

- Tiền án, tiền sự: không có.

- Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 29/8/2024 đến ngày 01/9/2024 được hủy bỏ tạm giữ. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

(Các bị cáo có mặt tại phiên tòa)

Bị hại: Công ty Cổ phần C

Địa chỉ: Số G L, Phường A, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

(Bị hại có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Đức T là nhân viên Công ty Trách nhiệm hữu hạn X đấu thầu Hợp đồng mua bán sắt phế liệu với Nhà máy C1 thuộc Công ty Cổ phần C2 tại đường D, khu công nghiệp N, huyện N. T thấy việc kiểm tra hàng hóa, phương tiện, cân tải trọng tại đây không chặt chẽ nên T bàn bạc với Đinh Văn H và Nguyễn Bá K chiếm đoạt tài sản của Công ty C2 bằng cách thuê H và K sử dụng hai xe tải chở sắt phế liệu, có gia cố thêm két rỗng chứa nước bí mật trên thân xe. Trước khi cân xác xe H, K bơm nước vào két để nâng trọng lượng xe, sau khi cân xe xong sẽ xả nước ra rồi chất phế liệu lên xe tiếp tục cân lại lần hai để tính khối lượng sắt

nhằm chiếm đoạt số sắt phế liệu chênh lệch tương đương với khối lượng nước bơm vào két rỗng thì Thiện sẽ trả công cho H với K mỗi chuyến 3.000.000 đồng, H và K đồng ý.

Thực hiện ý định, vào lúc 06 giờ ngày 23/8/2024, H điều khiển xe ô tô tải biển kiểm soát 60C-365.34, K điều khiển xe ô tô tải biển kiểm soát 62H-018.68 (được gia cố thêm két và bơm đầy nước dưới thùng xe) đi đến Công ty C T làm thủ tục cho hai xe của H và K vào trạm cân khối lượng xe và lấy phiếu cân trong Công ty Lữ Gia trước khi lấy hàng. Trọng lượng xe tải 60C- 365.34 trước khi bơm nước là 4.350 kg, sau khi bơm nước là 5.400 kg, trọng lượng xe tải 62H-018.68 trước khi bơm nước là 4.080 kg, sau khi bơm nước là 5.150 kg. Sau khi cân xong cả hai xe, lợi dụng không có ai giám sát H và K dừng xe ô tô biển số 60C-365.34 và 62H-018.68 đi đến góc khuất trong Công ty C2 để xả hết nước trong két sắt xuống cống thoát nước trước khi lấy hàng. Sau khi vào kho lấy hàng xong thì cả hai xe đi đến trạm cân khối lượng xe của Công ty C2 để tính phần sắt phế liệu đã mua của Công ty. H và K điều khiển xe lên trạm cân xác định đối với xe ô tô tải biển kiểm soát: 60C-365.34 có trọng lượng xe và hàng là 8.670kg và xe ô tô tải biển kiểm soát: 62H-018.68 có trọng lượng xe và hàng là 10.080kg. Sau đó, H và K điều khiển xe chở sắt phế liệu trên về bãi sắt L (địa điểm kinh doanh Công ty TNHH X) thuộc xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai để đổ hàng theo yêu cầu của T.

Như vậy, trọng lượng sắt phế liệu chiếm đoạt của xe ô tô tải biển kiểm soát: 60C-365.34 (5.400- 4.350) là 1.050kg và xe ô tô tải biển kiểm soát: 62H-018.68 (5.150- 4.080) là 1.070kg.

Cùng ngày với thủ đoạn nêu trên, Đinh Văn H tiếp tục bơm nước vào khoang chứa nước bí mật tương đương với trọng lượng 1.070kg vào xe ô tô tải biển kiểm soát: 60C- 365.34 rồi quay lại Công ty C2 để lấy hàng và chiếm đoạt 1.070 kg sắt phế liệu.

Bằng thủ đoạn tương tự, ngày 24/8/2024, H tiếp tục bơm nước tương đương với trọng lượng 1.060kg vào xe ô tô tải biển kiểm soát: 60C-365.34 để bốc sắt phế liệu tại Công ty C Đến khoảng 10 giờ 20 phút cùng ngày, khi H đang điều khiển xe ô tô tải biển kiểm soát: 60C-365.34 vận chuyển sắt phế liệu di chuyển từ Công ty C2 về Bãi sắt L thì bị tổ công tác của Công an huyện N kiểm tra phát hiện bắt quả tang. Đồng thời, tiến hành cân trọng lượng của xe ô tô tải BKS: 60C-365.34 khi không có nước trong khoang chứa bí mật, xác định trọng lượng sắt phế liệu chiếm đoạt là 1.060kg.

Lê Đức T, Nguyễn Bá K nghe Đinh Văn H bị bắt quả tang, nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên đến Cơ quan cảnh sát điều tra đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Tại Kết luận định giá tài sản số 84/KL-HĐĐGTS ngày 28/8/2024 và 87/KL-HĐĐGTS ngày 31/8/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện N xác định: 4.250 kg sắt phế liệu có giá trị: 39.950.000 đồng.

Tang vật thu giữ:

- 01 chiếc xe ô tô tải biển kiểm soát số 62H-018.68, chủ sở hữu là ông Nguyễn Khắc D, sinh năm 1982 ngụ tại ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai, ông D cho Nguyễn Bá K mượn xe và không biết K sử dụng xe để thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả cho ông D là đúng với quy định.

- 01 chiếc xe ô tô tải biển kiểm soát 60C-365.34 của Đinh Văn H làm chủ sở hữu, H sử dụng xe làm công cụ thực hiện hành vi phạm tội.

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung của Đinh Văn H làm chủ sở hữu, H sử dụng làm công cụ liên lạc để thực hiện hành vi phạm tội.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu xanh của Lê Đức T làm chủ sở hữu, T sử dụng làm công cụ liên lạc để thực hiện hành vi phạm tội.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu hồng nhạt của Nguyễn Bá K làm chủ sở hữu, K sử dụng làm công cụ liên lạc để thực hiện hành vi phạm tội.

- Số sắt phế liệu thu giữ khi bắt quả tang thuộc quyền sở hữu của Công ty C2 nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho Công ty C2 là đúng theo quy định của pháp luật;

- Số tiền 29.986.000 đồng mà Lê Đức T tự nguyện giao nộp dùng để bồi thường thiệt hại cho Công ty C Công ty đã tự thỏa thuận với gia đình bị cáo nên không có yêu cầu bồi thường gì thêm trong vụ án này.

Tại Cáo trạng số: 327/CT-VKS-NT ngày 28 tháng 11 năm 2024 Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch đã truy tố bị cáo Lê Đức T và Nguyễn Bá K, Đinh Văn H về tội "Lừa dối khách hàng" theo quy định tại khoản 1 Điều 198 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b, khoản 1, Điều 198, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, 35, 58 Bộ luật hình sự năm 2015(sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Đinh Văn H, Nguyễn Bá K mỗi bị cáo từ 20.000.000(hai mươi triệu đồng) đến 30.000.000(ba mươi triệu đồng).

Áp dụng khoản 1 Điều 198, điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, 17, 58, Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015(sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Lê Đức T từ 10 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

Về xử lý vật chứng đề nghị:

Căn cứ Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị Tòa tuyên:

- Tịch thu sung công quỹ: 01 chiếc xe ô tô tải biển kiểm soát 60C-365.34, 01 điện thoại di động hiệu Samsung của Đinh Văn H; 01 điện thoại di động hiệu

Iphone màu xanh của Lê Đức T; 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu hồng nhạt của Nguyễn Bá K là tang vật sử dụng vào việc phạm tội.

- Bồi thường thiệt hại số tiền 29.986.000 đồng cho Công ty C2 mà Lê Đức T tự nguyện giao nộp.

Về trách nhiệm dân sự: Công ty C2 đã nhận lại tài sản bị thiệt hại, Đồng ý nhận số tiền tự nguyện bồi thường của bị cáo Lê Đức T nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đề nghị buộc các bị cáo chịu án phí theo luật.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên Tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố. Các bị cáo không tranh luận với bản luận tội của Kiểm sát viên và nói lời nói sau cùng xin xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Đại diện công ty Cổ phần C2 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự nên Hội đồng xét xử vắng mặt.

[2]. Về trách nhiệm hình sự: Vào ngày 23/8/2024 và ngày 24/8/2024, tại Công ty C2 thuộc đường D, khu công nghiệp N, huyện N, trong quá trình thu mua phế liệu giữa Công ty C2 và Công ty Trách nhiệm hữu hạn X. Lê Đức T cùng với Đinh Văn H và Nguyễn Bá K đã dùng thủ đoạn gian dối nhằm tạo ra sai lệch trong việc tính toán trọng lượng khi cân hàng hóa để chiếm đoạt 4.250 kg sắt phế liệu trị giá là 39.950.000 đồng của Công ty C Lê Đức T có vai trò chủ mưu, thuê mướn các bị cáo Đinh Văn H, Nguyễn Bá K cùng thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy có đủ căn cứ và cơ sở xác định hành vi của các bị cáo Lê Đức T, Đinh Văn H, Nguyễn Bá K đã phạm vào tội "Lừa dối khách hàng" tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 198 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ.

[3]. Về nhân thân: Bị cáo Đinh Văn H và Nguyễn Bá K có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo Lê Đức T có nhân thân xấu.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo Đinh Văn H và Nguyễn Bá K phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, chưa tiền án, tiền sự, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về

hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo Lê Đức T đã bồi thường cho bị hại và thành khẩn khai báo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, bị cáo đã ra cơ quan công an để đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1,2 Điều 51 BLHS.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lê Đức T phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nên phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

Tính chất, mức độ của hành vi phạm tội:

Xét tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng nhưng hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quan hệ sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ gây ảnh hưởng xấu về mặt an ninh và trật tự trong xã hội. Các bị cáo là người đã thành niên có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, các bị cáo nhận thức rõ hành vi lừa dối khách hàng nhằm chuộc lợi là hành vi vi phạm pháp luật, nhưng vì lòng tham nên các bị cáo đã thực hiện tội phạm. Hành vi của các bị cáo đã vi phạm pháp luật do đó cũng cần có một hình phạt thích đáng để răn đe các bị cáo. Xét hành vi của các bị cáo xuất phát từ lòng tham muốn kiếm nhiều lợi nhuận từ việc mua bán gian dối nên Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tiền để răn đe các bị cáo cũng nhằm giúp các bị cáo nhận ra lỗi và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình không tiếp tục đi vào con đường vi phạm phát luật. Cũng thể hiện sự khoan hồng của pháp luật hình sự. Đối với bị cáo Lê Đức T do đang trong thời gian thử thách án treo nhưng không lấy đó làm bài học mà tiếp tục phạm tội nên hình phạt 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo theo bản án số 164/2023/HSST ngày 23/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai sẽ chuyển thành án giam. Vì vậy, cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với hành vi của bị cáo trong vụ án này mới thể hiện sự răn đe với bị cáo. Theo quy định của pháp luật hình sự thì sẽ quy đổi cụ thể 03 ngày cải tạo không giam giữ sẽ bằng một ngày giam. Tuy nhiên xét cho bị cáo đã thấy được lỗi sai của mình, thành khẩn khai báo và khắc phục hậu quả gây ra không gây ra hậu quả nghiêm trọng cho bị hại nên Hội đồng xét xử xét giảm cho bị cáo phần nào hình phạt để bị cáo sớm được về với gia đình, hòa nhập với xã hội.

[4]. Về xử lý vật chứng: Căn cứ các Điều 46, 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 chiếc xe ô tô tải biển kiểm soát 60C-365.34 của Đinh Văn H làm chủ sở hữu, H sử dụng xe công cụ thực hiện hành vi phạm tội; 01 điện thoại di động hiệu Samsung của Đinh Văn H làm chủ sở hữu, H sử dụng làm công cụ liên lạc để thực hiện hành vi phạm tội; 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu xanh của Lê Đức T làm chủ sở hữu, T sử dụng làm công cụ liên lạc để thực hiện hành vi phạm tội; 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu hồng

nhạt của Nguyễn Bá K làm chủ sở hữu, K sử dụng làm công cụ liên lạc để thực hiện hành vi phạm tội.

Về trách nhiệm dân sự: Do gia đình bị cáo Lê Đức T đã tự thỏa thuận với bị hại. Tại hồ sơ vụ án phía bị hại không có yêu cầu gì trong vụ án nên không đặt ra xem xét.

- Trả lại số tiền 29.986.000 đồng mà Lê Đức T tự nguyện giao nộp.

- 01 chiếc xe ô tô tải biển kiểm soát số 62H-018.68, chủ sở hữu là ông Nguyễn Khắc D, sinh năm 1982 ngụ tại ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai, ông D cho Nguyễn Bá K mượn xe và không biết K sử dụng xe để thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả cho ông D là đúng với quy định; Số sắt phế liệu thu giữ khi bắt quả tang thuộc quyền sở hữu của Công ty C2 nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho Công ty C2 là đúng theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch về tội danh, điều luật, hình phạt áp dụng đối với các bị cáo và đề nghị xử lý vật chứng là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các Điều 290, 326, 327 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 198 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung 2017):

Tuyên bố bị cáo Lê Đức T, Nguyễn Bá K, Đinh Văn H phạm tội "Lừa dối khách hàng";

Áp dụng khoản điểm b, khoản 1 Điều 198, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, 35, 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Nguyễn Bá K 20.000.000đồng (hai mươi triệu đồng).

Xử phạt bị cáo Đinh Văn H 20.000.000đồng (hai mươi triệu đồng).

Áp dụng khoản điểm b, khoản 1 Điều 198, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, 17, 58, Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015(sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Lê Đức T 9 (chín) tháng 21 (hai mươi mốt) ngày cải tạo không giam giữ. Tương đương với 97 (chín mươi bảy) ngày tù giam.

Áp dụng Điều 56, 65 Bộ luật hình chuyển 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo của bản án số 164/2023/HSST ngày 23/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai thành 01 (một) năm tù giam. Tổng hợp hình phạt hai bản án phạt bị cáo Lê Đức T phải thi hành 01 (một) năm 03 (ba) tháng 07 (bảy) ngày tù giam. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo tự nguyện đi thi hành án hoặc bắt đi thi hành án (nhưng được trừ đi số ngày đã bị tạm giam tạm giữ từ ngày 24/8/2024 đến ngày 28/11/2024).

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 45, điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" đối với các bị cáo Nguyễn Bá K, Đinh Văn H.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ các Điều 46, 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước:

01 chiếc xe ô tô tải biển kiểm soát 60C-365.34 của Đinh Văn H làm chủ sở hữu; 01 điện thoại di động hiệu Samsung của Đinh Văn H; 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu xanh của Lê Đức T; 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu hồng nhạt của Nguyễn Bá K.

- Trả lại cho bị cáo Lê Đức T số tiền 29.986.000 đồng.

(Vật chứng trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch đang tạm giữ theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 18/12/2024 và biên lai thu tiền số 0007382 ngày 18/12/2024 của chi cục thi hành án huyện Nhơn Trạch).

* Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Lê Đức T, Nguyễn Bá K, Đinh Văn H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Nhơn Trạch;
- Công an huyện Nhơn Trạch;
- Chi cục THADS huyện Nhơn Trạch;
- Lưu hồ sơ vụ án, AV

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Oanh